

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin học phần:

Tên học phần:	QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG THỰC PHẨM Food Supply Chain Management
Mã số:	FS517
Thời lượng:	2(2-0)
Loại:	bắt buộc
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Đáp ứng CDR:	1, 3, 6 (a-đối với CTĐT Thạc sĩ CNCBTS định hướng nghiên cứu); 1, 3, 6, 7 (b-đối với CTĐT Thạc sĩ CNCBTS và CNTP định hướng ứng dụng); 1, 2, 5, 6 (c-đối với CTĐT Thạc sĩ CNSTH định hướng ứng dụng)
Học phần tiên quyết:	không
Giảng viên biên soạn:	Mai Thị Tuyết Nga
Bộ môn quản lý:	Công nghệ Thực phẩm

2. Mô tả:

Học phần trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm, bao gồm cả truy xuất nguồn gốc, quản lý lưu kho, quản lý vận chuyển, các mối quan hệ hậu cần và các dịch vụ của bên thứ ba, vai trò của thông tin trong quản lý chuỗi cung ứng, và mô hình tham khảo các hoạt động chuỗi cung ứng (Supply Chain Operation Reference Model = SCOR).

3. Mục tiêu:

Trang bị những kiến thức cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm, góp phần cải thiện mức độ hiểu biết của người học đối với quá trình xây dựng và áp dụng các hệ thống truy xuất nguồn gốc. Học phần sẽ góp phần trang bị cho người học kiến thức về quản lý lưu kho, quản lý vận chuyển, các mối quan hệ hậu cần và các dịch vụ của bên thứ ba, vai trò của thông tin trong quản lý chuỗi cung ứng, và mô hình SCOR để có thể tính toán và đưa ra những quyết định liên quan phù hợp cho mục đích quản lý, cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng và đưa ra những cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của chuỗi.

4. Kết quả học tập mong đợi:

Sau khi học xong học phần, học viên có thể:

- 1) **Đánh giá được hiện trạng của hệ thống truy xuất nguồn gốc trong chuỗi và đề xuất được các giải pháp cơ bản để hoàn thiện hệ thống.**
- 2) Tính toán chi phí và ra quyết định lưu kho hợp lý.
- 3) Phân tích và lựa chọn các phương thức vận chuyển và dịch vụ hậu cần bên thứ ba phù hợp.
- 4) Nắm được vai trò của thông tin trong quản lý chuỗi cung ứng và lựa chọn được hệ thống thông tin phù hợp cho mục đích quản lý.

- 5) Đánh giá hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng dựa trên mô hình tham khảo các hoạt động chuỗi cung ứng (SCOR) và đưa ra những thay đổi phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm áp dụng vào thực tế doanh nghiệp.

5. Nội dung:

TT	Chủ đề	Nhằm đạt KQHT	Số tiết	
			LT	TH
1	Quản lý chuỗi cung ứng (SCM)	1	1	0
1.1.	Sự thay đổi về bức tranh kinh doanh: Các yếu tố thúc đẩy/động lực			
1.2.	Khái niệm về Quản lý chuỗi cung ứng			
1.3.	Các giai đoạn phát triển			
1.4.	Vai trò của SCM đối với hoạt động kinh doanh			
1.5.	Cấu trúc của SCM			
1.6.	Các thành phần cơ bản của SCM			
1.7.	Những bước đi cơ bản khi triển khai SCM			
2	Truy xuất nguồn gốc	1	6	0
2.1.	Khái niệm			
2.2.	Lý do phải thực hiện truy xuất			
2.3.	Lợi ích của truy xuất nguồn gốc			
2.4.	Nguyên tắc truy xuất nguồn gốc			
2.5.	Thủ tục truy xuất nguồn gốc			
2.6.	Phương pháp truy xuất nguồn gốc			
3	Quản lý lưu kho	2	5	0
3.1.	Nguyên nhân phải lưu kho tại công ty			
3.2.	Chi phí lưu kho			
3.3.	Quản lý các dòng lưu kho trong chuỗi cung ứng			
3.4.	Ra quyết định lưu kho			
4	Quản lý vận chuyển	3	4	0
4.1.	Vai trò của vận chuyển trong hoạt động hậu cần			
4.2.	Quyết định lựa chọn vận chuyển			
4.3.	Các phương thức vận chuyển			
4.4.	Quản lý vận chuyển			
5	Các mối quan hệ hậu cần và các dịch vụ của bên thứ ba	3	4	0
5.1.	Các mối quan hệ hậu cần			
5.2.	Các dịch vụ hậu cần bên thứ ba			
6	Vai trò của thông tin trong SCM	4	1	0
6.1.	Vị trí của thông tin trong SCM			
6.2.	Giới thiệu các hệ thống thông tin cho SCM			
6.3.	Chất lượng thông tin			
7	Mô hình tham khảo các hoạt động chuỗi cung ứng (Supply Chain Operation Reference model = SCOR)	5	4	0

6. Học liệu:

- 1) Coyle, Bardi and Langley (Editors) (2003), *Management of Business Logistics: A Supply Chain Perspective*, South-Western-Thomson Learning, 7th Ed.
- 2) Patrik Jonsson (2008), *Logistics and Supply Chain Management*, McGraw-Hill.
- 3) SCC (2006), *Supply-Chain Operations Reference-model: SCOR overview*, Supply-Chain Council, Version 8.0.
- 4) Mai, N., Bogason, S. G., Arason, S., Árnason, S. V., and Matthíasson, T. G. (2010), “Benefits of traceability in fish supply chains - case studies”, *British Food Journal* 112(9), 976 – 1002.

- 5) Nga T. T. Mai, Sveinn Margeirsson, Gunnar Stefansson, and Sigurjón Arason (2010), “*Evaluation of a seafood firm traceability system based on process mapping information - More efficient use of recorded data*”, International Journal of Food, Agriculture & Environment 8(2), 51-59.

7. Kiểm tra và Đánh giá:

TT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Nhằm đạt KQHT	Trọng số (%)
1	Tiểu luận	1, 5	30%
2	Thi kết thúc học phần	1-5	70 %

Giảng viên biên soạn:

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Mai Thị Tuyết Nga	GVC, TS	

Ngày cập nhật cuối cùng: 30/01 /2015